TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **14**/2023/HS-ST
Ngày: 20/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮKMIL, TỈNH ĐẮKNÔNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Đình Hội.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Văn Cường;

Ông Nguyễn Đình Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2023/TLST-HS, ngày 20 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Quang D, sinh năm 1997 tại tỉnh Bắc Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969; con bà: Lê Thị L (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 01/12/2022, sau đó chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- *Bị hại:* Anh Lưu Việt H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang – có mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Lưu Minh Đ, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Anh Phạm Thái D, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin vắng mặt.

Anh Lê Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Chị Trịnh Thị H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 7/2022, anh Lưu Việt H nhờ Nguyễn Quang D bán hộ máy đục gỗ CNC, XCM – 1625 với giá 55.000.000 đồng thì được Nguyễn Quang D đồng ý. Ngày 05/7/2022, Nguyễn Quang D liên hệ với anh Nguyễn Đình T và thống nhất về việc anh Nguyễn Đình T đổi máy đục gỗ của anh Nguyễn Đình T lấy máy đục gỗ CNC, XCM – 1625 và anh Nguyễn Đình T phải trả thêm cho Nguyễn Quang D 20.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Quang D mang máy đục gỗ của anh Nguyễn Đình T bán lại cho chị Hoàng Thị Đ (trú tại tỉnh Hưng Yên, do Nguyễn Quang D quen qua mạng xã hội facebook và không rõ nhân thân, lai lịch) được 43.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Nguyễn Quang D đã bỏ trốn và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Ngày 01/12/2022, Nguyễn Quang D đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS, ngày 28/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: 01 máy đục gỗ CNC, XCM-1625 đã qua sử dụng có giá trị là 55.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 11/CTr – VKS ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố bị cáo Nguyễn Quang D về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil thực hành quyền công tố, luận tội, tranh luận tại phiên tòa đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang D về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình đã bồi thường cho người bị hại số tiền 80.000.000 đồng, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không xem xét giải quyết.

*/ Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận việc Cơ quan

Cảnh sát điều tra đã thu giữ sau đó trả lại tài sản là 01 máy đục gỗ CNC, XCM – 1625 cho anh Nguyễn Đình T là chủ sở hữu hợp pháp.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo Nguyễn Quang D tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được thẩm tra công khai tại phiên toà, do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng cuối tháng 6/2022, bị cáo Nguyễn Quang D được anh Lưu Việt H nhờ bán giùm 01 máy đục gỗ CNC, XCM – 1625 với giá 55.000.000 đồng. Bị cáo liên hệ với anh Nguyễn Đình T và biết anh Nguyễn Đình T đang có nhu cầu muốn bán 01 máy tiện gỗ để mua máy đục gỗ CNC nên giữa bị cáo và anh Nguyễn Đình T đã thỏa thuận đổi máy đục gỗ CNC, XCM – 1625 của anh Hùng để lấy 01 máy tiện gỗ và anh Nguyễn Đình T phải trả cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng tiền chênh lệch, anh Nguyễn Đình T đã chuyển cho bị cáo số tiền 15.000.000 đồng và còn nợ lại 5.000.000 đồng. Sau đó bị cáo đã giao máy đục gỗ CNC, XCM – 1625 cho anh Toàn đồng thời chở máy tiện gỗ đã đổi đến tỉnh Hưng Yên để bán cho chị Hoàng Thị Đ (trú tại tỉnh Hưng Yên, do Nguyễn Quang D quen qua mạng xã hội facebook và không rõ nhân thân, lai lịch) được 43.000.000 đồng. Sau khi nhận được tổng số tiền 58.000.000 đồng, bị cáo đã không giao lại số tiền 55.000.000 đồng cho anh Lưu Việt H như thỏa thuận mà bỏ trốn nhằm mục đích để chiếm đoạt số tiền này.

Như vậy, với hành vi mà bị cáo Nguyễn Quang D đã thực hiện, giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Quang D phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Điều 175 của Bộ luật Hình sự quy định:

"*1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.00.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống*

chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến 3 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

……..

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

……

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;"

[3]. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quang D là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an ở địa phương, gây tổn thất về vật chất cho bị hại. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết được việc xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với ý thức coi thường pháp luật, lười lao động, để có tiền tiêu xài phục vụ cho lợi ích cá nhân của bản thân bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại để bị hại giao tài sản sau đó bỏ trốn. Do đó cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mặc dù bị cáo không có tài sản nhưng đã tích cực tác động gia đình tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại; Sau khi khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có ông nội được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng huy chương kháng chiến hạng nhất vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần áp dụng đối với bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt (55.000.000 đồng) gần với mức khởi điểm của của khung hình phạt nên bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo.

[6]. Đối với anh Nguyễn Đình T, do không biết bị cáo chiếm đoạt tiền bán máy đục gỗ của anh Lưu Việt H nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Hoàng Thị Đ, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

[8]. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, xét việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ sau đó trả lại 01 máy đục gỗ CNC, XCM – 1625 cho anh Nguyễn Đình T là chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quang D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang D phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa

Giao bị cáo Nguyễn Quang D cho Uỷ ban nhân dân xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp phạm tội mới thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại là anh Lưu Việt H không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ sau đó trả lại 01 máy đục gỗ CNC, XCM – 1625 cho anh Nguyễn Đình T là chủ sở hữu hợp pháp.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Quang D phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Sở tư pháp tỉnh Đăk Nông;
- Bộ phận HSNVCS-CA huyện Đắk Mil;
- Cơ quan THAHS-CA huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Đình Hội